

TÁC ĐỘNG CỦA YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NHẬT BẢN THỜI MINH TRỊ

BÙI BÍCH VÂN*

Với khẩu hiệu “phú quốc cường binh”, chỉ trong một nửa thế kỷ Nhật Bản đã phát triển từ một nước lạc hậu trở thành một cường quốc trên thế giới. Một trong những nguyên nhân tạo nên sự thành công trong giai đoạn này phải kể đến đó là việc Nhật Bản đã biết tiếp thu có chọn lọc những thành tựu về khoa học kỹ thuật, giáo dục cũng như quân sự từ các nước phát triển phương Tây. Bài viết này, tác giả muốn đề cập đến những gì mà Nhật Bản đã tiếp thu từ các nước phát triển phương Tây, và việc tiếp thu ấy có tác động như thế nào đối với công cuộc hiện đại hoá của Nhật Bản thời Minh Trị.

I. Minh Trị Duy tân và những chủ trương xây dựng đất nước.

Sau một thời gian dài đóng cửa, người Nhật đã phải mở cửa đất nước do sức ép từ bên ngoài của các cường quốc Âu, Mỹ. Vào tháng 7 năm 1853, chính quyền Mỹ đã phái một lực lượng hải quân lớn dưới sự chỉ huy của tướng Mathew Perry tiến vào vịnh Tokyo để thực hiện sứ mệnh đòi Nhật Bản mở cửa đất nước nhằm mở ra các quan hệ thương mại với Mỹ. Sự phô trương sức mạnh quân sự của Mỹ đã làm cho chính quyền Mạc phủ Tokugawa phải nao núng tinh thần. Những

chiếc tàu lớn của Mỹ và các khẩu đại bác đã làm cho người Nhật khiếp sợ. Trong tình thế như vậy, chính quyền Mạc phủ bị phân hoá thành hai phe. Phe theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan thì cương quyết với chủ trương đánh đuổi người ngoại quốc ra khỏi đất Nhật, còn những người có đầu óc thực tế hơn thì ý thức được sức mạnh quân sự của Mỹ và nhận thấy Nhật Bản không có sự lựa chọn nào khác là phải nhượng bộ các yêu sách mà phía Mỹ đưa ra. Tháng 2 năm 1854 tướng Mathew Perry lại một lần nữa trở lại Nhật Bản với mục đích nhận được câu trả lời từ phía chính quyền Mạc phủ trong việc ký hiệp ước buôn bán với Mỹ, và lần này chính quyền Tokugawa đã buộc phải ký hiệp ước với Mỹ vào tháng 3 năm 1854. Theo hiệp ước này, Nhật Bản mở cửa hai hải cảng cho phép các tàu Mỹ vào buôn bán đồng thời cho lập lãnh sự quán Mỹ ở Nhật Bản. Hiệp ước được ký kết đã đánh dấu thời kỳ mở cửa của Nhật Bản sau nhiều năm đóng chặt, tách biệt với thế giới bên ngoài. Tiếp theo Mỹ là Anh, Nga, Hà Lan cũng lần lượt ký các hiệp ước buôn bán với Nhật Bản. Việc mở cửa của Mạc Phủ đã đi ngược lại ý muốn của Thiên Hoàng và quần chúng nhân dân, đã làm dấy lên làn sóng phản đối không chỉ từ phía các lãnh chúa mà cả từ phía Triều đình. Sự yếu kém của Mạc phủ Tokugawa trước các thế

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

lực phương Tây đã khiến cho những người thuộc phe cách mạng muốn có một chính quyền khác thay thế. Theo đó, chính quyền này phải có khả năng xây dựng được một nền kinh tế cũng như quân sự đủ mạnh để có thể đương đầu với nước ngoài. Với ý thức về nguy cơ của đất nước trước sự xâm lược của nước ngoài, những người thuộc phe cải cách cho rằng nếu muốn Nhật Bản có địa vị trên trường quốc tế và không bị các nước khác chèn ép thì phải cải cách chính thể và canh tân đất nước, có nghĩa là phải lật đổ chính quyền Tokugawa và thay bằng chính quyền khác có thể tập hợp được sức mạnh của toàn dân. Vào lúc đó tại nhiều lãnh địa, tư tưởng *tôn vương* được đề cao. Nổi bật trong phái tôn vương là 4 phiên quốc Satsuma, Chosu, Tosa và Hizen, những phiên quốc này chủ trương liên kết với nhau để đánh đổ Mạc Phủ và khôi phục lại quyền lực của Thiên Hoàng. Liên minh các phiên quốc này yêu cầu Mạc Phủ Tokugawa trả lại quyền lực cho Thiên Hoàng nhằm tránh một cuộc nội chiến xảy ra. Ngày 7 tháng 11 năm 1867, Mạc Phủ Tokugawa (đứng đầu là Shogun Keiki) đã tuyên bố trả lại quyền hành cho Thiên Hoàng. Sáng 3 tháng 1 năm 1868, lệnh của Thiên Hoàng về xoá bỏ chế độ cai trị của Mạc Phủ được phát đi đến toàn thể dân chúng như là một sự cáo chung đối với sự cai trị suốt 268 năm của dòng họ Tokugawa, đồng thời mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Nhật Bản đó là thời kỳ Minh Trị với công cuộc canh tân đất nước để đưa Nhật Bản phát triển thành một trong những cường quốc trên thế giới.

Các nhà cải cách Nhật Bản lúc bấy giờ đã nhận thấy rằng không chỉ đánh đổ Mạc Phủ và khôi phục lại uy quyền của Thiên Hoàng mà vấn đề đặt ra là cần phải xây dựng một quốc gia hùng mạnh để vươn lên sánh vai với các cường quốc trên thế giới, bởi vì chính họ đã chứng kiến việc Nhật Bản phải chịu o ép của các nước Âu, Mỹ như thế nào khi Nhật Bản ở thế yếu hơn. Có thể nói Nhật Bản đã mất đi quyền tự chủ dân tộc, không thể tự quyết định các vấn đề của chính dân tộc mình. Đầu tiên là việc Mạc Phủ Tokugawa phải mở cửa đất nước trước những đòi hỏi của phương Tây, tiếp theo là phải ký các hiệp ước bất bình đẳng không những không có lợi cho Nhật Bản (như các hiệp định về thuế quan) mà còn có tính chất coi thường cả dân tộc Nhật, đó là việc Nhật Bản phải chấp nhận để các nước phương Tây được hưởng “trị ngoại pháp quyền”, tức là có toàn quyền xét xử công dân của nước họ phạm tội trên đất Nhật vì họ cho rằng luật pháp ở Nhật Bản chưa văn minh nên không thể căn cứ vào đó để xét xử công dân của nước họ được. Để nâng cao vị thế của Nhật Bản trong quan hệ với các cường quốc, các nhà cải cách Nhật Bản lúc bấy giờ đã xác định trước hết phải xây dựng một lực lượng quân đội hùng mạnh, tinh nhuệ để có thể tự bảo vệ được mình trước các cường quốc phương Tây. Tuy vậy, để có một quân đội mạnh, một quốc gia tiên tiến thì Nhật Bản phải có một nền kinh tế vững mạnh và trên nền tảng một xã hội văn minh. Từ đó việc phát triển quân đội được đặt ra cùng với sự phát triển của kinh tế và văn hoá xã hội. Khẩu hiệu “phú quốc

cường binh” được đặt ra với mục đích xây dựng một đất nước giàu và một quân đội mạnh. Chủ trương đổi mới được cụ thể hoá bằng năm điều mà tân chính phủ đưa ra làm phương châm cho việc cai trị đất nước và được coi như bản “hiến pháp tạm thời” khi Minh Trị Thiên Hoàng mới lên ngôi

Thứ nhất: Từ nay, hành chính quốc gia được quyết định trước đại hội nhân dân.

Thứ hai: Thiên Hoàng cùng Công khanh văn vũ các cấp đoàn kết với quốc dân cùng phục vụ cho quyền chung của nhà nước.

Thứ ba: Địa vị xã hội dành chung cho toàn dân, không phân biệt giai cấp.

Thứ tư: Bãi bỏ mọi luật pháp thời Phong kiến, tân pháp sẽ theo công lý và nhân đạo của trời đất.

Thứ năm: Trí thức được xuất dương du học để xây dựng cho tiền đồ của dân tộc.

Với những quy định trên cho thấy tân chính phủ Minh trị đã thực hiện việc cải cách các mặt của đời sống xã hội, từ cơ cấu tổ chức nhà nước đến việc xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp trong xã hội. Đáng chú ý là tại điều thứ năm quy định các trí thức được ra nước ngoài học tập để về xây dựng quốc gia. Quy định này thể hiện sự thay đổi trong nhận thức. *Một là* các nhà lãnh đạo đã thay đổi hẳn quan điểm về bế quan toả cảng, ngăn cấm người Nhật Bản tiếp xúc với người phương Tây, từ đó sẽ mở ra cánh cửa để Nhật Bản giao lưu, tiếp xúc với nền văn minh của nhân loại. *Hai là* thể hiện tinh thần học hỏi, thực sự cầu thị của những nhà cải cách trong chính phủ Minh Trị, bởi lẽ họ là những người hiểu rõ việc Nhật Bản đã bị tụt hậu xa so với

các nước phát triển Âu, Mỹ lúc bấy giờ và muốn phát triển thì Nhật Bản cần phải tiếp thu và học tập văn hoá và khoa học kỹ thuật từ những nước phát triển đó để giảm bớt khoảng cách giữa Nhật Bản và các nước đó, tiến tới ngang bằng và vượt lên.

Mục tiêu của chính phủ Minh Trị là độc lập quốc gia và bình đẳng trong mối quan hệ với các nước phương Tây. Những nhà lãnh đạo trong chính phủ nhận thấy con đường để bảo vệ độc lập tốt nhất là làm cho dân giàu nước mạnh, nước có mạnh thì mới đủ sức chống lại sự xâm lược từ bên ngoài. Kinh tế có phát triển thì mới có điều kiện hiện đại hoá đất nước, có thể nâng cao được vị thế của Nhật Bản ngang tầm với các cường quốc khác. Trong khi đất nước đang ở trình độ thấp so với các cường quốc phương Tây thì cách tốt nhất để vươn lên là học tập văn hoá khoa học kỹ thuật của chính những nước đó rồi Nhật Bản hoá chúng để trở thành những cái riêng của nước Nhật. Với khẩu hiệu “Học tập phương Tây, đuổi kịp phương Tây và vượt phương Tây”, những nhà cải cách coi việc học tập phương Tây như là một phương tiện để đạt được mục tiêu “phủ quốc cường binh”, từ đó Nhật Bản sẽ tự bảo vệ được nền độc lập của mình cũng như giành lại được vị thế bình đẳng trong quan hệ với các nước khác.

Từ sự thay đổi về nhận thức dẫn đến hành động thực tế. Các nhà lãnh đạo trong chính phủ Minh Trị đã có những bước đi rất thích hợp trong việc học tập văn minh kỹ thuật phương Tây, đó là việc vừa học tập, vừa chuyển giao công nghệ cũng như văn minh

phương Tây vào Nhật Bản, dần dần làm thay đổi diện mạo nước này.

II. Nhật Bản tiếp thu khoa học kỹ thuật và văn minh phương Tây để hiện đại hoá đất nước

Sau khi chế độ phong kiến Tokugawa sụp đổ mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Nhật Bản- thời kỳ Minh Trị (1868-1912), các nhà cải cách đã bắt tay vào công cuộc canh tân đất nước. Chỉ sau một thời gian, Nhật Bản đã trở thành một trong những cường quốc sánh ngang với các nước phát triển phương Tây. Để đạt được "phú quốc cường binh" thì bên cạnh việc tiến hành hàng loạt cải cách trong nước, Nhật Bản còn rất tích cực tiếp thu khoa học kỹ thuật, văn minh phương Tây để phục vụ cho công cuộc cải cách đó.

Chính phủ Minh Trị đã đưa vào Nhật những kỹ thuật mới trong các ngành công nghiệp như kéo sợi bông, luyện thép, đóng tàu, đường sắt, đồng thời cũng du nhập một loạt các hệ thống mới như bưu điện, điện thoại, điện tín. Một trong những hệ thống quan trọng được đưa vào Nhật Bản là hệ thống công ty cổ phần. Bên cạnh đó, chính quyền còn phái các quan chức cấp cao cũng như các chí sỹ yêu nước sang các nước phát triển Âu, Mỹ với mục đích tìm một mô hình thích hợp với Nhật Bản để đưa Nhật trở thành một nước giàu, có quân đội mạnh. Để tìm kiếm một mô hình nhà nước hiện đại, chính phủ Minh Trị đã xem xét và so sánh các thông tin do các sứ giả thu thập được để đánh giá xem nước nào là tiên tiến nhất trong từng lĩnh vực và quyết định về việc lĩnh vực nào phải theo khuôn mẫu của nước nào.

Không chỉ vậy, chính phủ còn chủ động mời các chuyên gia nước ngoài đến Nhật làm việc để thông qua các chuyên gia này mà kỹ thuật tiên tiến của phương Tây được du nhập vào Nhật Bản vì lúc đó về phương diện khoa học kỹ thuật Nhật Bản là nước chậm phát triển hơn các nước phương Tây rất nhiều.

Thực hiện chủ trương học tập phương Tây, Chính phủ Minh Trị đã tiến hành:

Âu hoá đất nước: Nhà cửa được kiến trúc theo kiểu Âu làm cho đường phố có một bộ mặt khác với thời kỳ trước đó. Không chỉ có kiến trúc nhà cửa mà ngay cả cách thức sinh hoạt, trang phục cũng như ăn uống đều được Âu hoá, ví dụ như việc mặc âu phục, phụ nữ làm đầu kiểu âu, nam giới cắt tóc ngắn thậm chí ngày đó còn có cả phong trào cắt tóc ngắn. Những ai cắt tóc ngắn được coi là văn minh. Chính phủ quy định trong các buổi lễ phải mặc âu phục. Về ăn uống, việc ăn thịt bò bắt đầu thông dụng và trở thành biểu tượng của văn minh. Ngoài thịt bò thì sữa bò, bia, bánh mì cũng bắt đầu được phổ biến. Từ năm 1873 chính thức dùng dương lịch thay cho âm lịch của Nhật Bản. Mặc dù chủ trương Âu hoá cũng gặp phải một số cản trở từ phía người dân nhưng với mục đích đặt ra là phải canh tân đất nước nên những gì thuộc về Âu hoá vẫn được áp dụng.

Cải cách quân đội theo mô hình của các nước tiên tiến trên thế giới lúc đó: Cùng với việc cải cách quân đội trong nước, chính phủ Minh Trị tìm kiếm một mô hình tổ chức tiên tiến để tăng cường sức mạnh cho quân đội Nhật Bản. Sau khi nghiên cứu quân đội các nước, chính phủ Minh Trị đã chọn lọc cho

mình những gì mà họ cho là ưu việt hơn cả cho một quân đội mạnh. Quân đội Nhật Bản là một tổ chức tổng hợp của nhiều loại hình khác nhau của quân đội các nước. Hải quân Nhật được xây dựng theo mô hình hải quân Anh, nhưng lục quân lại chịu ảnh hưởng nhiều của mô hình quân đội Đức (lúc đầu theo mô hình Pháp nhưng sau đó lại theo mô hình Đức vì trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ quân đội Đức đã tỏ ra chiếm ưu thế hơn).

Cải cách giáo dục: Người Nhật nhận thấy muốn phú quốc cường binh thì cần phải có những con người có trình độ để tiếp thu và vận dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất cũng như phục vụ cho lĩnh vực quân sự. Do đó cải cách về giáo dục đã được chính quyền Minh Trị đưa ra như là một trong những chương trình cần phải tiến hành ngay nhằm đào tạo ra những người có trình độ để phục vụ cho mục đích đó. Để công cuộc cải cách có hiệu quả cao, chính phủ đã nghiên cứu xem hệ thống giáo dục nước nào tiên tiến nhất có thể áp dụng vào Nhật Bản. Sau khi nghiên cứu so sánh, người Nhật đã chọn nền giáo dục Pháp làm mô hình tham khảo. Phỏng theo hệ thống giáo dục Pháp, cả nước chia thành 8 khu đại học, mỗi khu đại học chia thành 32 khu trung học, mỗi khu trung học lại chia thành 210 khu tiểu học. Mỗi khu đại học tùy số sinh viên mà chia thành nhiều trường hay nhiều ban⁽¹⁾. Đó là về mô hình của nền giáo dục, còn về đội ngũ giáo viên thì cùng với việc cử người Nhật du học ở

những nước phát triển chính phủ đã thuê các chuyên gia giáo dục nước ngoài đến giảng dạy tại Nhật Bản. Việc thuê giáo viên nước ngoài nhằm giải quyết hai mục đích. Thứ nhất đó là giải quyết tình trạng thiếu giáo viên có trình độ trong nước và để đẩy nhanh công cuộc cải cách giáo dục; thứ hai là thông qua các chuyên gia này, Nhật Bản có thể tiếp cận được nền giáo dục đương đại, tránh cho Nhật khỏi bị tụt hậu so với trình độ giáo dục thế giới. Vào thời kỳ này, số giáo viên nước ngoài ở Nhật Bản tuy có nhiều quốc tịch khác nhau nhưng có đặc điểm chung là đều đến từ các nước có nền giáo dục phát triển. Trong thời kỳ đầu tổng số giáo viên là 214 người trong đó đông nhất là người Anh với 149 người, Pháp có 50, Mỹ có 19, Trung Hoa có 9, Đức có 8...⁽²⁾. Số chi phí về lương bổng cho tổng số 214 người đó lúc đầu là 534.492 yên vài năm sau lên đến 1 triệu yên chiếm một khoản lớn trong ngân sách giáo dục.

Học tập về kỹ thuật: Để đạt được mục tiêu công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, ngay từ đầu chính phủ Minh Trị đã chủ trương học tập kỹ thuật của các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến thông qua việc cử người sang các nước phát triển phương Tây để học về kỹ thuật và mời các giáo viên, chuyên gia nước ngoài đến Nhật làm việc. Tiền lương trả cho giáo viên và các chuyên gia người nước ngoài chiếm một khoản rất lớn trong tổng số tiền chi tiêu của Bộ Công nghiệp. Vào năm 1874, Bộ Công nghiệp

⁽²⁾ *Sơ lược lịch sử Nhật Bản*, trang 237.

⁽¹⁾ *Nhật Bản cận đại* của tác giả Vĩnh Sinh, trang 122.

dùng 290 kỹ sư ngoại quốc (số này giảm xuống 130 vào năm 1879 nhưng vẫn chiếm 3/5 ngân sách của Bộ). Đường xe lửa Tokyo-Yokohama cũng do hơn 80 kỹ sư người Anh xây dựng, lương của người kỹ sư quản đốc là 2000 yên tức là gấp 2,5 lần lương của Dajo Daijin-chức vị cao nhất trong chính phủ(tương đương thủ tướng)⁽³⁾. Mặc dù đã phải chi một khoản không nhỏ trong ngân sách nhà nước để trả lương cho các chuyên gia người ngoại quốc nhưng đổi lại nền công nghiệp Nhật Bản đã tiếp cận với công nghệ mới của phương Tây. Các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Nhật đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển giao công nghệ phương Tây vào Nhật Bản.

Học tập về luật pháp: Với mục đích xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Nhật Bản phải ký kết với các nước phương Tây trong đó có việc xoá bỏ “trị ngoại pháp quyền”, Nhật Bản quyết tâm xây dựng cho mình một hệ thống luật pháp hiện đại theo kiểu Châu Âu. Để đạt được mục đích đặt ra chính phủ Minh Trị đã tiến hành xây dựng hiến pháp và hệ thống pháp luật của mình. Về hiến pháp, sau khi nghiên cứu các bản hiến pháp của các nước Châu Âu chính phủ đã chọn mô hình hiến pháp Đức vì hiến pháp này phù hợp với xã hội Nhật Bản lúc đó. Quyết tâm lựa chọn theo mô hình hiến pháp Đức, chính phủ Minh Trị đã phái Ito Hirobumi đến Đức để nghiên cứu về vấn đề này. Còn về luật dân sự, chính phủ mời cố vấn pháp luật người

Pháp giúp đỡ cho việc soạn thảo Bộ luật dân sự dựa theo luật dân sự của Pháp nhưng có sửa đổi cho phù hợp với Nhật Bản. Đồng thời vị chuyên gia này cũng tư vấn cho việc sửa đổi luật hình sự của Nhật lúc bấy giờ.

III. Tác động của những yếu tố mà Nhật Bản tiếp thu từ phương Tây đến công cuộc hiện đại hoá thời Minh Trị.

Kết quả của việc tiếp thu văn minh, kỹ thuật của phương Tây là Nhật Bản đã đạt được những mặt sau:

Về quân sự: Với chính sách phát triển quân sự trong nước kết hợp với kỹ thuật quân sự của phương Tây, Nhật Bản đã có một lực lượng quân sự hùng mạnh có đủ sức mạnh sánh ngang với các cường quốc khác trên thế giới lúc bấy giờ, đặc biệt là hải quân. Hải quân Nhật Bản nói riêng và quân đội Nhật Bản nói chung, từ thời Minh Trị đến trước khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ hai có thể nói là rất mạnh, điều này được chứng minh qua hai cuộc chiến tranh của Nhật với các cường quốc đó là cuộc chiến tranh Nhật-Trung(1894-1895) và chiến tranh Nhật-Nga(1904-1905) mà chiến thắng đều thuộc về phía Nhật. Sự lớn mạnh của quân đội Nhật Bản còn được thể hiện bằng việc tham gia chiến tranh của quân đội nước này trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu thời kỳ Minh Trị đến khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc. Trong giai đoạn này Nhật Bản đã tham dự vào nhiều cuộc chiến tranh với các đế quốc hùng mạnh khác để tranh giành quyền lợi của Nhật tại các nước thứ ba và chủ trương xâm chiếm các nước khác để biến những nước đó thành thuộc địa của Nhật

⁽³⁾ *Nhật Bản cận đại* của tác giả Vĩnh Sinh do Văn hoá từng thư xuất bản, trang 120.

Bản. Đó là các cuộc chiến xâm lược Đài Loan, Triều Tiên, tham gia chiến tranh thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai... Sức mạnh quân đội mà Nhật Bản có được thông qua khẩu hiệu “phú quốc cường binh” trong thời Minh Trị đã biến Nhật Bản từ chỗ là một quốc gia yếu kém phải đóng cửa để ngăn chặn sự xâm lược của các nước phương Tây, phải ký các hiệp ước bất bình đẳng với các nước này khi bị ép buộc phải mở cửa đất nước đến chỗ Nhật Bản trở thành một cường quốc sẵn sàng tham chiến với các cường quốc khác hoặc mang quân đi xâm lược các nước láng giềng của Nhật Bản. Vào giai đoạn đầu thời Minh Trị, sức mạnh của lực lượng quân sự Nhật Bản không có gì đáng nói nhưng sau một thời gian thực hiện việc cải cách quân đội và học tập, tiếp thu khoa học kỹ thuật của phương Tây, đặc biệt là kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự mà Nhật Bản đã có một tiềm lực quân sự đáng nể. Sau khi học tập mô hình hải quân Anh, Nhật Bản đã xây dựng cho mình một lực lượng hải quân lớn thứ ba thế giới và một lực lượng quân sự lớn thứ năm thế giới vào thời bấy giờ. Nhật Bản đã chinh phục các nước Châu Á bằng sức mạnh quân sự của mình và tham gia hai cuộc chiến tranh thế giới với tư cách là những cường quốc quân sự.

Về các ngành sản xuất và dịch vụ thương mại:
Nhờ việc vay mượn kỹ thuật phương Tây mà công nghiệp Nhật Bản cũng phát triển, Nhật Bản dần dần chiếm được nhiều thị trường hàng hoá ở Châu Á. Với việc áp dụng phương thức sản xuất hiện đại vào ngành sản xuất tơ lụa, bắt đầu từ năm 1880, 30% lụa do

Nhật Bản xuất khẩu được dệt bằng máy, có chất lượng hơn hẳn lụa dệt bằng tay của các nước Châu Á khác và có thể cạnh tranh được với lụa của các nước Châu Âu. Lụa là một mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Nhật Bản (chiếm 43% tổng số hàng xuất khẩu), bắt đầu từ năm 1885. Nhật Bản đã chiếm được vị trí khá thuận lợi trong hoạt động ngoại thương⁽⁴⁾. Cùng với sự phát triển của sản xuất do áp dụng kỹ thuật phương Tây thì cơ cấu kinh tế cũng chuyển đổi theo hướng nhập khẩu nguyên liệu thô, rồi xuất khẩu những sản phẩm đã chế biến. Các nhà lãnh đạo thời Minh Trị đã theo khái niệm kinh tế thị trường và chấp nhận hình thức tư bản kinh doanh tự do theo kiểu Anh và Bắc Mỹ.

Nhờ việc du nhập các kỹ thuật về đóng tàu và đường sắt mà Nhật Bản đã có một hệ thống đường sắt tiên tiến. Năm 1872 đường xe lửa Tokyo- Yokohama được khánh thành, tiếp đến năm 1874 tuyến Osaka- Kobe, năm 1877 tuyến Osaka-Kyoto cũng được hoàn thành. Vào năm 1889 thì tuyến đường sắt nối liền Tokyo và Kobe cũng được xây dựng xong. Bên cạnh hệ thống đường sắt thì hệ thống vận tải đường biển trong giai đoạn này cũng khá phát triển do sự phát triển của công nghệ đóng tàu.

Những thành tựu đạt được trong các ngành sản xuất như đóng tàu, hay ngành đường sắt đã tạo ra một hệ thống đường giao thông vô cùng quan trọng cả trên bộ và trên biển, đây chính là một trong những yếu tố làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển vì nó đã

⁽⁴⁾ Xem, *Nhật Bản cận đại*, của tác giả Vĩnh Sinh do Văn hoá Tùng Thư xuất bản năm 1990, tr.119.

liên kết được các vùng miền, liên kết được nhà sản xuất với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó thì những thành quả của việc áp dụng hệ thống bưu chính của nước ngoài vào Nhật Bản làm thay đổi hẳn đời sống xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ, biến Nhật Bản thành một xã hội thông tin, một xã hội văn minh so với thời kỳ bế quan toả cảng.

Việc đưa hệ thống công ty cổ phần vào Nhật Bản cũng có tác động không nhỏ. Với việc phát triển các công ty cổ phần mà Nhật Bản đã có những công ty quy mô lớn vào giai đoạn đầu của thời kỳ Minh Trị như công ty sợi Osaka; công ty đường sắt Nhật Bản. Những công ty này đã đóng vai trò quan trọng đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá Nhật Bản. Có thể nói rằng hệ thống công ty cổ phần đã đóng vai trò quan trọng như các xí nghiệp nhà nước ngay từ giai đoạn đầu trong quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế Nhật Bản. Việc thiết lập hệ thống công ty cổ phần được coi như một phương tiện để tập trung một số lượng vốn lớn cho phép nhập khẩu kỹ thuật phương Tây.

Về luật Pháp: Sau khi tham khảo hiến pháp của các nước phương Tây, Nhật Bản đã xây dựng được một bản hiến pháp riêng cho mình. Ngày 11 tháng 2 năm 1889 (năm Minh Trị thứ 22) bản hiến pháp Minh Trị đã được công bố. Với bản hiến pháp này Nhật Bản trở thành quốc gia lập hiến hiện đại đầu tiên ở Châu Á. Tiếp theo việc ban hành bản hiến pháp đầu tiên ở Châu Á, Nhật Bản tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật của mình và kết quả là Bộ luật dân sự của Nhật Bản đã

được ban hành vào tháng 7 năm 1898 dựa theo bộ luật dân sự Napoleon.

Nhờ việc xây dựng được một hệ thống pháp luật hiện đại nên Nhật Bản trở thành nước Châu Á đầu tiên thoát khỏi “trị ngoại pháp quyền” của các nước phương Tây áp dụng cho người Châu Á.

Về văn hoá và lối sống: Nhờ chủ trương Âu hoá đất nước mà bộ mặt xã hội Nhật Bản thời kỳ này có sự thay đổi đáng kể, văn hoá văn minh phương Tây đã tác động đến từng lĩnh vực trong đời sống xã hội, từ việc ăn mặc, ở đến những sinh hoạt trong đời sống hàng ngày. Nhà cửa theo kiểu kiến trúc phương Tây được áp dụng vào Nhật Bản bên cạnh kiến trúc truyền thống của nước này, trong nhà, bàn ghế kiểu âu cũng được sử dụng phổ biến. Bên cạnh đó, những trang thiết bị, vật dụng và các phương tiện giao thông trong cuộc sống hàng ngày cũng bắt đầu được đưa vào sử dụng như đèn pin, đèn sử dụng khí ga, xe đạp, xe ngựa, giao thông đường sắt, điện tín, điện thoại... Tất cả những yếu tố của văn minh phương Tây đó đã làm thay đổi hẳn bộ mặt xã hội của Nhật Bản, làm cho xã hội và con người Nhật Bản trở nên văn minh hơn, người Nhật đã trang bị cho mình một hành trang cần thiết để bước ra hoà nhập vào thế giới văn minh phương Tây.

Về giáo dục: Kết hợp với cải cách giáo dục trong nước và việc học tập mô hình giáo dục cũng như việc thuê giáo viên nước ngoài đến Nhật Bản giảng dạy đã mang lại kết quả là tỉ lệ người biết đọc, biết viết ở Nhật Bản thời kỳ này khá cao. Với chế độ giáo dục bắt

buộc (chỉ 2 năm sau khi Anh thực hiện luật giáo dục và 7 năm sau khi Mỹ xoá bỏ chế độ nô lệ. Nhật Bản đã bắt đầu áp dụng chế độ học tập bắt buộc tiến bộ này) Nhật Bản đã trở thành một nước tiến tiến trên thế giới trong việc phổ cập hoá giáo dục vào thời điểm đó. Năm 1873 mới chỉ có 28% dân cư ở độ tuổi đến trường đi học, nhưng năm 1882 con số này đã là 50%, năm 1895 là 67% và năm 1904 đạt 98%⁽⁵⁾.

Thành quả giáo dục của Nhật Bản thời Minh trị đã đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ này cũng như thời kỳ sau đó.

Có thể nói rằng, có nhiều nguyên nhân tạo nên sự thành công của Nhật Bản, song, không thể không nói đến vai trò của yếu tố nước ngoài áp dụng vào Nhật Bản thời kỳ này làm cho Nhật Bản đạt được một số thành tựu vượt trội so với thời kỳ trước, đã hoà mình được vào sự phát triển chung của thế giới, vươn lên trở thành một trong những cường quốc lúc bấy giờ. Với việc học tập khoa học kỹ thuật và văn minh phương Tây, Nhật Bản không những đã trở thành một cường quốc quân sự ở Châu Á mà còn là nước đi đầu trong nhiều lĩnh vực ở châu lục này. Nhật Bản là nước Châu Á đầu tiên có hiến pháp, cũng như có một nền giáo dục phát triển với tỉ lệ người biết đọc, biết viết rất cao vào thời Minh Trị. Nhật Bản đã trở thành tấm gương sáng cho nhiều nước Châu Á học tập, chính những thành tựu của Nhật Bản,

đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự với việc giành được chiến thắng trước đế quốc Nga hùng mạnh trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật đã tạo sự tự tin cần thiết cho các dân tộc ở Châu Á trước các cường quốc Tây Âu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vĩnh Sinh, *Nhật Bản cận đại*, Văn hoá tùng thư xuất bản năm 1990
2. Mikiso Hane, *Modern Japan*, Westview Press/ Boulder and London, 1986
3. W. Scott Morton, *Japan, Its History and Culture*, 1994.
4. Michio Morishima, *Tại sao Nhật Bản thành công*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội-1991.

⁽⁵⁾ Michio Morishima, *Tại sao Nhật Bản thành công*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1991, tr.137.